TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2018/DS-PT
Ngày: 24 - 8 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2018/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tô Văn C – Văn phòng Luật sư Hoàng Long thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đỗ Thị N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn R – Nguyên đơn, ông Trần Quốc H – Bị đơn và bà Đỗ Thị N – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày: Vào năm 2008 ông và ông H cùng làm công trình lộ giao thông nông thôn tại ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Do hai bên không tự thanh toán với nhau các khoản tiền khi làm công trình chung nên ông H có khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông H 65.320.000 đồng, do lúc đó ông làm mất chứng từ chứng minh ông H nhận tiền từ chủ đầu tư nên ông không thể đối chiếu được, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc ông phải trả cho ông H số tiền 59.720.000 đồng. Ngày 08/8/2016 ông đến UBND xã Q để thanh toán dứt điểm công trình trên thì UBND xã Q cung cấp biên nhận ông H nhận của UBND xã Q 03 lần, tổng số tiền là 100.764.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông H và vợ là bà N trả lại cho ông số tiền 100.764.000 đồng mà ông H đã nhận của chủ đầu tư là UBND xã Q, huyện Đ.

Đối với ông Trần Quốc H không đồng ý trả cho ông R số tiền 100.764.000 đồng với lý do sự việc đã giải quyết xong.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R. Buộc ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền 40.000.000 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N số tiền 87.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 22 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước kháng nghị yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do là cần đưa UBND xã Q, huyện Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là pháp nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện và cần điều tra, thu thập thêm chứng cứ; ông Nguyễn Văn R kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông H trả 127.000.000 đồng; ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của ông R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn R, ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N; Quyết định kháng nghị của Viện kiển sát nhân dân huyện Cái Nước được thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tranh chấp giữa ông R và ông H xuất phát từ việc hai ông làm công trình xây dựng lộ giao thông nông thôn tại ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình thi công công trình, cả ông R lẫn ông H đều có đến UBND xã Q ứng tiền, sau đó hai ông không thỏa thuận được với nhau về số tiền hùn hạp, thanh toán nên đã khởi kiện nhau ra tòa nhiều lần.

[3] Khi cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án huyện Cái Nước có làm việc với ông Lê Việt K, tại "Biên bản làm việc" vào ngày 23/11/2017, ông Lê Việt K thời điểm này là phó Chủ tịch UBND xã Q trình bày: "… Khi ký kết hợp đồng thì UBND xã Q ký trực tiếp với ông Nguyễn Văn R, ông R là người trực tiếp thi công công trình và quyết toán với UBND xã Q nên UBND xã Q không liên quan đến việc giao dịch giữa ông R và ông H. Đối với biên 03 nhận ngày 05/12 nhận 93.831.000 đồng; ngày 25/12 nhận 43.733.000 đồng; ngày 02/7/2009 nhận 40.000.000 đồng là do ông H viết và ký tên. Đối với biên nhận ngày 02/7/2009 là do ông H trực tiếp ký và nhận tiền, còn 02 biên nhận còn lại là để đối chiếu chứng từ…".

Đến cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án tỉnh Cà Mau có làm việc với ông Lê Việt K, tại "Biên bản lấy lời khai" vào ngày 20/7/2018, ông Lê Việt K thời điểm này là Chủ tịch UBND xã Q trình bày: "Năm 2008 UBND xã Q có ký hợp đồng xây dựng lộ giao thông tại ấp B với Hợp tác xã (HTX) T, không ký trực tiếp với ông R. Ông R nói mình là xã viên của HTX T nên UBND xã Q không yêu cầu ông R cung cấp văn bản thể hiện vấn đề này. Các lần ông R đến UBND xã Q nhận tiền tạm ứng đều có ông H đi cùng…Trong đó biên nhận ngày 02/7/2009 ông H ký và mượn tiền từ UBND xã Q nhưng hai tháng sau UBND xã Q đã nhận lại tiền mặt là 40.000.000 đồng khi ông R và ông H rút tiền từ HTX T về… Phương thức thanh toán tiền làm công trình giữa UBND xã và HTX T là chuyển khoản, UBND xã chỉ cho ông R và ông H ứng tiền khi hai ông có khó khăn về tài chính. UBND xã chuyển khoản đủ số tiền làm công trình cho HTX T, ông R và ông H đến HTX T nhận tiền, sau đó mang tiền đến UBND xã trả tạm ứng. Đối với giấy nhận tiền ngày 05/12 ông R và ông H đến UBND xã viết (viết vào sổ tay của ông H) nhưng không nhận tiền. Theo đó, UBND xã đã chuyển khoản cho HTX T số tiền là 93.831.000 đồng, khi ông R rút tiền về UBND xã có mượn lại số tiền 68.400.000 đồng (số tiền này xã đã đối chiếu với ông R xong), số tiền còn lại ông R và ông H tự tính với nhau… Việc lấy lời khai kết thúc hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày. Ông Lê Việt K – Chủ tịch UBND xã Q đã nghe đọc, công nhận là biên bản ghi đúng lời khai của mình".

[4] Như vậy, khi vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm thì xuất hiện tình tiết mới do ông Lê Việt K cung cấp theo "Biên bản lấy lời khai" vào ngày 20/7/2018, cụ thể là vào năm 2008 UBND xã Q có ký hợp đồng xây dựng lộ giao thông tại ấp B với HTX T, không ký trực tiếp với ông R. Từ tình tiết mới này, đối chiếu lời trình bày của ông Lê Việt K với cán bộ Tòa án huyện Cái Nước với lời khai của ông R, ông H và các chứng cứ có tại hồ sơ, cấp phúc thẩm không thể làm rõ vấn đề tranh chấp, cụ thể là vì sao UBND xã Q ký hợp đồng với HTX T mà có lúc ông R, có lúc ông H được nhận tiền từ UBND xã, việc chuyển khoản thanh toán cho HTX T

như thế nào … và khi không làm việc cụ thể với đại diện HTX T, với người đại diện UBND khi UBND xã Q ký hợp đồng với HTX T thì không thể làm rõ mâu thuẫn giữa các lời khai của ông Lê Việt K như UBND ký hợp đồng thi công với HTX T hay với ông R; vì sao ông R được ứng tiền khi mà UBND xã ký hợp đồng với HTX T, khi nhận tiền do UBND xã chuyển khoản thì HTX T chi cho ông R, ông H như thế nào?… từ đó mới có căn cứ xem xét tranh chấp giữa ông R và ông H có phải xuất phát từ việc thi công công trình theo "Hợp đồng thi công xây dựng" và mới làm rõ được tổng số tiến từ những lần nhận tiền, ứng tiền của ông R, ông H từ UBND xã Q. Trả lời được những câu hỏi trên mới có thể giải quyết việc tranh chấp giữa ông R và ông H một cách triệt để. Mặc khác, khi cấp sơ thẩm làm rõ những vấn đề trên mới có căn cứ để cân nhắc có đưa UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và HTX T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hay không. Từ những vấn đề trên, việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[5] Ngoài ra, khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm phải lưu ý việc tách phần tiền vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông R, từ đó tính án phí một cách chính xác và cũng cần phải xem xét việc áp dụng điều luật (Điều 166 Bộ luật dân sự "Quyền đòi lại tài sản" hay Điều 332 Bộ luật dân sự "Quyền đòi lại tài sản").

[6] Từ tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm như nêu trên, nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc hủy án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do còn có những vấn đề chưa được làm rõ nêu trên, nên phải hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Cấp sơ thẩm cần lưu ý, khi làm rõ mà có căn cứ cho là hiện nay ông R mới tìm được 03 biên nhận (chứng cứ mới), thì phải cân nhắc xem có phải là chứng cứ mới của việc tranh chấp đã được giải quyết tại các bản án trước đây liên quan đến cùng nội dung tranh chấp, để cân nhắc xem ông R được quyền khởi kiện vụ án mới hay giải quyết những chứng cứ mới này theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm (đối với những vụ án giữa ông R, ông H đã có hiệu lực).

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn R, ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn R, ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn R, ông Trần Quốc H và bà Đỗ Thị N không phải chịu. Ngày 22/3/2018 ông R dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004277 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được nhận lại. Ngày 22/3/2018 ông H và bà N dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004279 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh